

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-02-2018

V/v tranh chấp “Yêu cầu ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Trần Phạm Thị Hồng Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 15, thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức D1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 13, thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu..

(Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Di vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Đức D1 quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1991, nhưng đến ngày 11/8/2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D1 thường đánh bạc, bán các tài sản của gia đình, dẫn đến thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Bà D về nhà mẹ ruột sống từ năm 2010 đến nay.

Nay cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức D1.

Về con chung: Bà D và ông D1 có 4 người con chung là: Nguyễn Đức T, sinh ngày 27/7/1992 (đã chết); Nguyễn Đức L, sinh ngày 30/3/1994; Nguyễn Đức B, sinh ngày 10/6/1997; Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/6/2009. Các cháu Luyện, Bảo đã lớn. Bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, bà D không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng để bà D nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức D1 không đến tòa án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà D và ông D1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông D1 nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà D. Về con chung bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, bà D không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng để bà D nuôi con chung thì Tòa án cần chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà D, ông D1 có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà D và ông D1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 11/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà D yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Nguyễn Đức D1 là xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Đức D1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà D là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Đức D1 quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1991, nhưng đến ngày 11/8/2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà D là do ông D1 thường đánh bạc, bán các tài sản của gia đình, dẫn đến vợ chồng

thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Bà D về nhà mẹ ruột sống từ năm 2010 đến nay. Xác minh tại địa phương thì giữa bà D và ông D1 có mâu thuẫn, bà D bỏ về nhà mẹ ruột sống là có thật. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà D, Tòa án đã triệu tập ông D1 để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân để bà D và ông D1 tiếp tục sống với nhau nhưng ông D1 không đến tòa án để làm việc. Như vậy giữa bà D và ông D1 có mâu thuẫn, bà D và ông D1 sống ly thân là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông D1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Đức D1.

Về con chung: Bà D và ông D1 có 4 người con chung là: Nguyễn Đức T, sinh ngày 27/7/1992 (đã chết); Nguyễn Đức L, sinh ngày 30/3/1994; Nguyễn Đức B, sinh ngày 10/6/1997; Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/6/2009. Các cháu L, B đã lớn nên ở với ai là quyền của các cháu. Bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, cháu T có nguyện vọng ở với bà D. Do đó xử cho bà D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1. Bà D không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng để bà D nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà D, ông D1 có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Đức D1.

Về quan hệ con chung: Bà D và ông D1 có 4 người con chung là: Nguyễn Đức T, sinh ngày 27/7/1992 (đã chết); Nguyễn Đức L, sinh ngày 30/3/1994; Nguyễn Đức B, sinh ngày 10/6/1997; Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/6/2009. Các cháu L, B đã lớn ở với ai theo theo nguyện vọng của các cháu.

Xử cho bà D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức T1. Bà D không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng để bà D nuôi con chung.

Ông Nguyễn Đức D1 được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà D, ông D1 có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0005627 ngày 27/6/2017, bà D đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-02-2018), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà D, ông D1 vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã Nghĩa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan